

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN DUY TIÊN
TỈNH HÀ NAM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

.....*.....

.....*.....

Bản án số: 18/2018/HNGĐ-ST

Ngày 16 -11-2018

V/v: “Ly hôn, nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN DUY TIÊN - HÀ NAM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Mạnh Xuân Hải;

Các Hội thẩm nhân dân: ông Nguyễn Minh Tuấn và ông Trần Đức Liên;

- Thư ký phiên tòa: bà Phạm Thị Loan – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Duy Tiên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Duy Tiên tham gia phiên tòa: bà Ngô Thị Thanh Quý - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 11 năm 2018, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Duy Tiên xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 66/2018/TLST - HNGĐ ngày 28 tháng 6 năm 2018 về tranh chấp “Ly hôn, nuôi con”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 14/2018/QĐXX-ST ngày 12 tháng 10 năm 2018, giữa các đương sự:

1. **Nguyên đơn:** Chị **Nguyễn Thị M**, sinh năm 1994; Nơi ĐKNKTT: Thôn D, xã Ch, huyện D, tỉnh Hà Nam; Chỗ ở hiện nay: Thôn 1, xã Tr, huyện Tr, tỉnh Thanh Hóa.

2. **Bị đơn:** Anh **Trần Xuân H**, sinh năm 1990; Địa chỉ: Thôn D, xã Ch, huyện D, tỉnh Hà Nam.

(Tại phiên tòa có mặt chị M, vắng mặt anh H).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn, chị Nguyễn Thị M trình bày: Chị kết hôn với anh Trần Xuân H trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện xây dựng hạnh phúc gia đình và đăng ký kết hôn tại UBND xã Tr, huyện Tr, tỉnh Thanh Hóa vào ngày 28/7/2011. Sau ngày cưới vợ chồng chung sống hòa thuận được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do hai vợ chồng không tìm được tiếng nói chung trong làm ăn kinh tế, anh H mãi chơi không quan tâm và chăm sóc cuộc sống vợ con nên dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, vợ chồng đã

tự sống ly thân từ đầu năm 2015 đến nay. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không hạnh phúc nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh H.

Về con chung: vợ chồng có 01 con chung là cháu Trần Mai Ph, sinh ngày 16/8/2013. Hiện nay cháu Ph đang ở với chị M. Khi ly hôn chị M xin nuôi cháu và không yêu cầu anh H cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Về tài sản chung, công sức, công nợ: không có gì và không đề nghị Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã thông báo về việc thụ lý vụ án đối với anh H về việc chị M xin ly hôn, đồng thời ban hành các văn bản tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự nhưng anh H không hợp tác.

Theo bà Bùi Thị X (là mẹ đẻ của anh H) cho biết: Hiện tại anh H đang đi làm ăn xa lúc ở Hà Nội, lúc ở Miền Nam không ở ổn định một chỗ, thỉnh thoảng anh H có về nhà ở một vài ngày rồi lại đi làm. Anh H cũng đã biết việc Tòa án huyện Duy Tiên đang giải quyết vụ án ly hôn giữa chị M và anh. Gia đình cũng xác nhận đã nhận được đầy đủ các giấy tờ như: Thông báo thụ lý; Giấy triệu tập; Thông báo về việc tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải của Tòa án. Bà X cũng cho biết gia đình đã thông báo, động viên anh H đến Tòa án để giải quyết việc ly hôn, nhưng hiện tại anh H đang làm xa ăn không về được, quan điểm của anh H và gia đình hoàn toàn đồng ý để chị M xin ly hôn anh H và đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn vắng mặt anh H theo quy định của pháp luật. Ngoài ra bà X, cũng xác nhận vợ chồng chị M và anh H có 01 con chung là cháu Trần Mai Ph, sinh ngày 16/8/2013. Hiện nay cháu đang ở với chị M. Khi ly hôn, quan điểm của gia đình để cháu Ph cho chị M tiếp tục nuôi dưỡng vì cháu còn nhỏ giao mẹ nuôi dưỡng sẽ tốt hơn còn việc cấp dưỡng tiền nuôi con thì tùy anh H. Vợ chồng chị M và anh H không có tài sản gì chung, cũng không nợ ai và công sức cũng không có gì.

Tại phiên tòa hôm nay, chị Nguyễn Thị M vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử (HĐXX) căn cứ: Khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, các Điều 147, 227 và 228 Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 51,56,58,81,82,83 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án. Xử lý hôn giữa chị Nguyễn Thị M và anh Trần Xuân H; về con chung, giao chị M nuôi dưỡng cháu Trần Mai Ph, sinh ngày 16/8/2013, anh H không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung; về án phí HNGĐ ST, chị M phải chịu 300.000đ.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa. Sau khi nghe ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên VKSND huyện Duy Tiên phát biểu quan điểm, sau khi thảo luận và nghị án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] *Về thủ tục tố tụng*: Tại phiên tòa, bị đơn là anh Trần Xuân H vắng mặt lần thứ hai không có lý do. Tuy nhiên trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã gửi Thông báo thụ lý; Thông báo về phiên hòa giải; Giấy triệu tập phiên tòa, gia đình anh H đều nhận được và đã thông báo cho anh H biết nhưng anh H vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ Điều 227 và 228 Bộ luật tố tụng dân sự, HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định của pháp luật.

Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ và kết quả điều tra xác minh tại gia đình anh H và chính quyền địa phương, HĐXX nhận định như sau:

[2] *Về quan hệ hôn nhân*: Chị Nguyễn Thị M kết hôn với anh Trần Xuân H trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện và đăng ký kết hôn ngày 28/7/2011 tại UBND xã Tr, huyện Tr, tỉnh Thanh Hóa là cuộc hôn nhân hợp pháp.

Sau ngày cưới vợ chồng chị M, anh H chung sống hòa thuận được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân chính là do vợ chồng không tìm được tiếng nói chung trong làm ăn kinh tế cũng như trong việc cư xử với nhau. Vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2015 đến nay, không còn quan tâm đến nhau. Nay quan điểm chị M xét thấy tình cảm vợ chồng không còn và kiên quyết đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh H. Xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng giữa chị M và anh H đã thực sự trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, cho dù có kéo mỗi quan hệ hôn nhân như hiện nay của vợ chồng cũng không đem lại hạnh phúc. Vì vậy, HĐXX cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị M là hoàn toàn phù hợp với thực tế và quy định tại Điều 51, 56 Luật HN và GD.

[3] *Về con chung của vợ chồng*: Vợ chồng có một con chung là cháu Trần Mai Ph, sinh ngày 16/8/2013, hiện tại cháu Ph đang ở với chị M. Nhận thấy: hiện tại cháu Ph còn nhỏ và đang có cuộc sống ổn định với chị M. Để không làm xáo trộn môi trường sống cũng như bảo đảm cho sự phát triển tốt nhất của cháu Ph, HĐXX cần giao chị M tiếp tục nuôi dưỡng cháu Trần Mai Ph đến khi cháu trưởng thành. Anh H không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung là phù hợp với điều 81, 82, 83 Luật HN&GD năm 2014.

[4] *Về tài sản chung, công nợ, công sức của vợ chồng*: Trong quá trình giải quyết vụ án anh H vắng mặt, chị M cũng không có yêu cầu nên HĐXX không đặt ra xem xét.

[5] *Về án phí HNGD sơ thẩm*: Nguyên đơn là chị Nguyễn Thị M phải chịu theo quy định tại khoản 5, Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016.

[6] *Về quyền kháng cáo*: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271, khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ: Khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, các Điều 147, 227 và 228 Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 51,56,58,81,82,83 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử lý hôn giữa chị Nguyễn Thị M và anh Trần Xuân H.

2. Về con chung: Giao cho chị Nguyễn Thị M trực tiếp nuôi dưỡng cháu Trần Mai Ph, sinh ngày 16/8/2013 cho đến khi cháu Ph đủ 18 tuổi, trưởng thành, tự lập được. Anh H không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Anh H được quyền đi lại, chăm sóc và thăm hỏi con chung theo quy định của pháp luật. Chị M và các thành viên trong gia đình không được ngăn cản anh H trong việc thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung.

3. Về tài sản chung, công sức, công nợ chung của vợ chồng: Không đặt ra giải quyết.

4. Về án phí HNGĐ sơ thẩm: Chị M phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng). Chị M được đối trừ đi số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) đã nộp theo biên lai thu số AA/2015/0000293 ngày 28/6/2018 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Duy Tiên, tỉnh Hà Nam.

Báo cho chị Nguyễn Thị M có mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm; anh Trần Xuân H vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hà Nam;
- VKSND huyện Duy Tiên;
- Chi cục THADS huyện Duy Tiên;
- Các đương sự;
- UBND xã Triệu Thành;
- Lưu Hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Mạnh Xuân Hải

